

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày: 29- 6 -2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Nam

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Sĩ Vỹ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐST ngày 15 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ: Lầu 8,266-268 N, Phường X, Quận Y, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bảo C- Chức vụ: Nhân viên ngân hàng (*Theo Giấy ủy quyền số 1195/2017/UQ-TTT ngày 05/10/2017*).

Địa chỉ: Số128, N, phường B, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1979

Trú tại: Thôn T, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông C, vắng mặt bà V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, phía nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày và yêu cầu: Ngày 29/11/2011, bà Lê Thị V có ký với Ngân hàng 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng

là 30.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 42.203.036đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 60.400.000đ, trong đó có tiền nợ gốc, tiền lãi và phí. Đến ngày 22/8/2016, bà V còn dư nợ: 14.498.966đ.

Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bà V không có thiện chí trả nợ. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 23/7/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó Ngân hàng chốt số tiền là 14.498.966đ làm nợ gốc và tiếp tục tính lãi quá hạn trên nợ gốc đó.

Tính đến ngày Ngân hàng khởi kiện 10/9/2017, bà V còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 14.498.966đ, lãi quá hạn: 6.468.190đ, tổng cộng: 20.967.156đ.

Mặc dù, ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà V, yêu cầu bà V thanh toán ngay các khoản nợ, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà V trả nợ tuy nhiên bà V cố tình trốn tránh, không thanh toán nợ, vi phạm các điều khoản quy định tại hợp đồng đã ký. Do đó để bảo vệ quyền lợi pháp cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn buộc bà Lê Thị V phải trả nợ gốc: 14.498.966đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2018 là: 11.019.302đ, tổng cộng: 25.518.268đ.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án, cung cấp tài liệu chứng cứ, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương, tuy nhiên bị đơn không chấp hành giấy triệu tập, không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466 BLDS chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà V trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc: 14.498.966đ và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2018 là: 11.019.302đ, tổng cộng: 25.518.268đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà V nhưng bà V không có mặt tại Tòa và cũng không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và pháp luật áp dụng: Đây là vụ kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, một hình thức của hợp đồng vay tài sản. Ngân hàng khởi kiện đối với bà Lê Thị V có hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi bà V cư trú thì xác

định, bà V đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã D, huyện Triệu Sơn, cho đến nay bà V vẫn chưa cắt chuyển khẩu và không xin tạm vắng tại địa phương. Bà V vẫn về nhà tại thôn T, xã D, huyện T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà V cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 26, 35, 39, điểm e Điều 192 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết giữa bà Lê Thị V với Ngân hàng TMCP S ngày 29/11/2011, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, quy định về hợp đồng vay tài sản, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với Bộ Luật dân sự năm 2015, theo quy định tại điểm b Điều 688BLDS 2015, HĐXX căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị V nhưng bà V không có ý kiến gì gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, bà V vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bà V tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Trách nhiệm trả nợ gốc và lãi: Ngày 29/11/2011, bà Lê Thị V ký với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng đến ngày 20/7/2013, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 42.203.036đ. Bà V đã thanh toán được 60.400.000đ bao gồm cả tiền gốc, lãi và phí. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, trong hạn 30 ngày bà V không thanh toán được tiền lãi và phí thì sẽ cộng vào tiền gốc và đây là dư nợ để tính lãi cho tháng tiếp theo.

Về lãi suất được tính theo quy định tại Điều 22 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo đó Ngân hàng và bà V đã thỏa thuận:

“a) Đối với giao dịch mua hàng hóa, phí, lệ phí và tất cả những khoản nợ khác trên tài khoản, nếu chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn đầy đủ và đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn, chủ thẻ phải thanh toán tiền lãi cho đơn vị Phát hành thẻ đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong Thông báo giao dịch...b) Đối với Giao dịch rút tiền mặt và Giao dịch tương đương rút tiền mặt. Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút... Đơn vị Phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ”.

Vì vậy, việc thỏa thuận dư nợ và cách tính lãi mà Ngân hàng đang tính là phù hợp Điều 22 Quyết định 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 quyết định ban hành quy chế, phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động

thẻ Ngân hàng của Ngân hàng nhà nước, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước.

Bà Vượng vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ vào Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 23/7/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng thỏa thuận đã ký kết nên bà V phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi quá hạn cho Ngân hàng. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Lê Thị V phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 14.498.966đ và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2018 là: 11.019.302đ, tổng cộng: 25.518.268đ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Bà Vượng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, điểm e Điều 192, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 BLTTDS; Điều 463, 466, 468 điểm b Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 22 Quyết định 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 quyết định ban hành quy chế, phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S: Buộc bà Lê Thị V phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc: 14.498.966đ và tiền lãi quá hạn 11.019.302đ, tổng cộng: 25.518.268đ (Hai mươi lăm triệu, năm trăm mười tám nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng).

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án mà bà V không trả tiền hoặc trả không đủ số tiền thuộc nghĩa vụ của mình thì hàng tháng bà V còn phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng hai bên đã ký kết tương ứng thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Lê Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.275.000đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 524.000đ theo biên lai số 0001017 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu